

Thiết kế và lập trình một WebPage cho phép xem, tạo mới, và thay đổi thông tin sản phẩm. Các thực thể (Entity) cơ bản như sau (Sinh viên có thể bổ sung thêm thuộc tính và phương thức)

1. ProductCategory(code, name). Code và name thuộc một trong các cặp giá trị sau(1 - Laptop, Desktop, 2 - Mobile Phone, 3 - Speaker, 4 - Printer, 5 - Projector).
2. Product(code, category, name, description, price, link)

* link: đường dẫn đến website giới thiệu sản phẩm; description: là chuỗi (string) có nhiều dòng (line)

Thiết kế Layout gồm 5 phần theo gợi ý sau, cấu trúc và chức năng tương tự gmail.

[1. Header: Tiêu đề của Webpage và thông tin của sinh viên]	
[2. Left aside panel: Liệt kê tên Product Category]	[3. Main Content: Bảng thông tin cơ bản của những product có category được chọn ở bên trái. Bảng này chỉ có chức năng view, và không bao gồm description. Khi click vào link sẽ mở ra tab mới]
	[4. Detail Content: Trình bày tất cả thông tin của product được chọn bên trên. Hỗ trợ chức năng Create/Read/Update/Delete (CRUD)]
[5. Footer: Copyright]	

Tính điểm:

1. Thiết kế Layout cho Webpage theo một trong hai dạng bên dưới, bằng các tag tiêu chuẩn của HTML5 (Không sử dụng table cho phần Layout) (10đ)
 - a. Nội dung luôn chiếm trọn màn hình, ngay cả khi thay đổi kích thước (Resize). Left aside luôn có kích thước cố định, hiển thị đủ thông tin Category trên một dòng. Main và Detail Content có kích thước nhỏ nhất là 500px. Nội dung ở Header và Footer được canh giữa (align center). Tương tự Layout của Gmail, Ymail.
 - b. Toàn bộ phần nội dung có kích thước cố định 980px và luôn nằm giữa màn hình khi thay đổi kích thước (Resize). Left aside luôn có kích thước cố định, hiển thị đủ thông tin Category trên một dòng, còn lại là Main và Detail Content. Tương tự Layout của tuoitre.vn, thanhnien.vn.
2. Sau khi Webpage khởi tạo (loaded), javascript tạo mẫu ít nhất 3 sản phẩm cho phần 3 (10đ)

3. Khi click vào một sản phẩm ở phần 3, thông tin chi tiết của sản phẩm được chọn sẽ hiển thị ở phần 4 với các controls phù hợp để biên soạn (editable). Ngoại trừ Product code sẽ được tạo tự động và không được phép thay đổi (15đ)
4. Hiện thực chức năng cho phần 2 hoạt động phù hợp với phần 3 và 4. Tạo mẫu dữ liệu phù hợp (10đ)
5. Hiện thực các chức năng của phần 4 phù hợp với phần 2 và 3. Tên các thành phần trên form phải được đặt đúng với tên thuộc tính của entity (Ví dụ: <input name= "code"...). Product code do chương trình tạo ra theo thứ tự 1, 2, 3... và độc lập với category. Category thì không được phép thay đổi sau khi tạo ra (15đ).
6. Product code là chuỗi do chương trình tạo ra, gồm hai phần. Phần đầu gồm 3 chữ số tương ứng Category code, phần sau gồm 5 chữ số tương ứng là code của sản phẩm thuộc Category được chọn. Ví dụ 00100001, 00200023 (5đ)
7. Hiện thực chức năng kiểm tra dữ liệu nhập vào, và tự sửa lỗi khi dữ liệu nhập dư khoảng trắng (5đ)